

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 02/02/2023

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGÃ SƠN, TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Tạ Văn Tuyền

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông Phạm Bá Luyến

2/ Bà Dương Thị Thắm

**Thư ký phiên tòa:** Ông Phan Thanh Tùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:*** Không.

Ngày 02 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 279/2022/TLST- HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2022 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 90/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 05/2023/QĐST- HNGĐ ngày 10/01/2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H - sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn H, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Văn M - sinh năm 1983

Địa chỉ: thôn Đ, xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa có mặt chị H, vắng mặt anh M không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 17/11/2022 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị và anh Phạm Văn M kết hôn ngày 16/4/2021 trên cơ sở tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Trong quá trình chung sống, vợ chồng luôn xảy ra xung đột, xô xát, cãi lộn và anh M còn hành hung chị, 3 lần đuổi chị ra khỏi nhà. Quá trình đuổi chị ra khỏi nhà thì cũng có sự hòa giải, khuyên bảo từ hai bên gia đình. Tuy nhiên, trong quá trình đó chị quay lại sống với anh M nhưng không giữ được hạnh phúc, vẫn luôn xung đột, cãi lộn nhau và anh M còn đánh đập chị. Lần thứ ba đuổi chị và chị đã về nhà mẹ đẻ ở từ ngày 12/02/2022 cho đến nay tại thôn H, xã N, huyện N, không còn quan tâm, liên lạc với nhau nữa. Nguyên nhân mâu thuẫn xảy ra là do chị không có kinh tế. Hiện nay, chị xét thấy tình cảm vợ chồng

không còn, nên chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện N xem xét giải quyết cho chị được ly hôn anh Phạm Văn M.

Về con chung: Chị và anh M không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, anh M biết việc chị H khởi kiện xin ly hôn anh ra Tòa án nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt, không hợp tác, không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án, không nêu ý kiến của mình nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của chị Nguyễn Thị H, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện n, tỉnh Thanh Hóa giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Phạm Văn M. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng cho anh Phạm Văn M biết việc chị Nguyễn Thị H xin ly hôn anh. Nhưng trong quá trình giải quyết vụ án anh M vắng mặt nên không thống nhất được hướng giải quyết vụ án. Ngày 10/01/2023, Tòa án đã đưa vụ án ra xét xử lần thứ nhất, anh M vắng mặt không có lý do nên HĐXX quyết định hoãn phiên tòa; Tại phiên tòa hôm nay anh M vẫn vắng mặt, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh M.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị H và anh Phạm Văn M tự nguyện đến với nhau, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa, như vậy là hôn nhân hợp pháp. Theo chị H trình bày, sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống với nhau luôn xảy ra xung đột, xô xát, cãi lộn và đánh đập nhau; anh M đã đuổi chị ra khỏi nhà ba lần. Hai bên gia đình khuyên bảo nên chị cố gắng quay lại sống chung với anh M, nhưng không giữ được hạnh phúc, vẫn thường xuyên xảy ra xung đột, cãi lộn nhau. Chị đã về nhà mẹ đẻ ở thôn H, xã N từ ngày 12/02/2022 cho đến nay. Chị H và anh M đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa.

HĐXX xét thấy: cuộc hôn nhân của chị H và anh M đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần giải quyết cho chị H được ly hôn anh M là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Chị H và anh M không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[4] Về tài sản: Chị H và anh M không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[5] Về án phí: chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (DSST) về việc ly hôn theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

\* Căn cứ: khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị H, cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phạm Văn M.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí DSST về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí DSST chị H đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0015153 ngày 22/11/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- Phòng GD-KT Tòa án tỉnh;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã N;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Tạ Văn Tuyền**